



**DỰ THẢO 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**QCVN XX-ZZ: 2023/BNNPTNT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP**

***National technical regulation on safety for combine harvesters***

**HÀ NỘI – 2023**

**Lời nói đầu:**

QCVN XX-ZZ: 2023/BNNPTNT do Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn phối hợp với Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch biên soạn; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Thông tư số...../...../TT-BNNPTNT ngày.....tháng

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**  
**VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP**  
*National technical regulation on safety for combine harvesters*

**1. QUY ĐỊNH CHUNG (General)**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh Scope**

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu về quản lý đảm bảo an toàn đối với máy gặt đập liên hợp dùng cho thu hoạch lúa trong sản xuất nông nghiệp (Mã HS 84335100).

This regulation prescribes technical requirements, requirements on management to ensure safety for combine harvesters used for rice harvesting in agricultural production (HS code 84335100).

**1.2. Đối tượng áp dụng Subjects of application**

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối và kinh doanh các loại máy gặt đập liên hợp dùng cho thu hoạch lúa (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp). Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chứng nhận, đánh giá sự phù hợp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

This regulation applies to organizations and individuals that manufacture, import, distribute and trade in combine harvesters used for rice harvesting (hereinafter referred to as enterprises). State management agencies, certification and conformity assessment organizations and other relevant organizations and individuals.

**1.3. Giải thích từ ngữ Terms and definitions**

**1.3.1. Lô hàng**

Bao gồm các máy gặt đập liên hợp có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ và cùng hồ sơ nhập khẩu.

**1.3.1. Shipment**

Includes combine harvesters with the same name, use, brand, type, and technical characteristics of the same manufacturer, origin and import profile.

**1.3.2. Máy gặt đập liên hợp**

Máy liên hợp thu hoạch lúa thực hiện các công đoạn cắt, vơ cây lên, chuyển cây, đập hoặc tuốt, tách, làm sạch, chuyển hạt vào bộ phận chứa và để phần còn lại trên mặt đồng.

**1.3.2. Combine Harvesters**

The rice-harvesting machine performs the stages of cutting, picking up plants, transferring plants, threshing or threshing, separating, cleaning, transferring seeds to the container and leaving the rest on the field.

**1.3.3. Đầu gặt**

Phần của máy gặt đập liên hợp bao gồm cơ cấu thu gom, cắt, vơ cây lên.

**1.3.3. Harvest head**

The part of the combine harvester includes the mechanism for collecting, cutting, and picking up the trees.

#### 1.3.4. Cơ cấu điều khiển hiện diện người lái

Cơ cấu điều khiển ngắt công suất tới bộ phận truyền động khi người vận hành thôi tác động kích hoạt vào cơ cấu điều khiển.

#### 1.3.4. Driver presence control mechanism

Control device that disconnects power to the actuator when the operator stops actuating the control device.

#### 1.3.5. Giá ba tiếp điểm

Hệ thống cho phép một người dùng đồng thời hai tay và một chân, hoặc hai chân và một tay khi lên hoặc xuống khỏi máy.

#### 1.3.5. Three-contact price

The system allows a user to simultaneously use two hands and one leg, or two feet and one hand when getting on or off the machine.

#### 1.3.6. Tầm với của người lái

1.3.6.1. Tầm với chân của người lái được xác định bởi khối bán cầu bán kính 800 mm có tâm trên đường tâm ghế ngồi tại cạnh trước đệm ghế và hướng xuống dưới khi ghế ngồi đặt ở vị trí trung tâm (xem Hình 1).

1.3.6.2. Tầm với tay của người lái được xác định bởi khối hình cầu bán kính 1.000 mm, có tâm trên đường tâm ghế ngồi cách 60 mm về phía trước và 580 mm về phía trên điểm chỉ báo chỗ ngồi (xem Hình 1).

#### 1.3.6. Reach of the driver

1.3.6.1. The driver's leg reach is determined by a hemisphere of 800 mm radius centered on the seat centerline at the front edge of the seat cushion and pointing downward when the seat is centered (see Figure 1).

1.3.6.2. The driver's arm reach is determined by a sphere of 1,000 mm radius, centered on the seat centerline 60 mm forward and 580 mm above the seat indicator point (see Figure 1).

### 1.4. Điều kiện thử và đánh giá kết quả

- Các thiết bị đo kiểm tra, thử nghiệm phải được kiểm định định kỳ, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
- Phép thử coi là đạt yêu cầu khi tất cả các kết quả thử, kiểm tra đều đạt khi tiến hành thử trên mẫu máy gặt đập liên hợp của lô hàng hóa.

#### 1.4. Test conditions and results evaluation

- The measuring and testing equipment must be periodically inspected and calibrated in accordance with the law on metrology.
- The test is considered satisfactory when all the test and inspection results are passed when the test is carried out on the combine harvester model of the consignment.

## 2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

### 2.1. Yêu cầu chung

2.1.1. Máy gặt đập liên hợp phải có đủ các hệ thống, cơ cấu, chi tiết hoạt động theo chức năng; không phát hiện sự bất thường khi vận hành máy ở các chế độ thử theo quy định của quy chuẩn này.

2.1.2. Không có sự rò rỉ chất lỏng ở các mối ghép, nối.

2.1.3. Các bộ phận, chi tiết máy không nứt, vỡ, thủng, rách hoặc bị biến dạng.

2.1.4. Máy phải có các tài liệu hướng dẫn bằng tiếng Việt kèm theo.

## 2.1. General requirements

2.1.1. Combine harvesters must have enough systems, structures and details to operate according to functions; no abnormality was detected when operating the machine in the test modes specified by this standard.

2.1.2. There is no liquid leakage at the joints, joints.

2.1.3. Machine parts and details are not cracked, broken, punctured, torn or deformed.

2.1.4. The machine must have accompanying documents in Vietnamese.

## 2.2. Cơ cấu điều khiển

### 2.2.1. Yêu cầu chung

2.2.1.1. Phải làm việc dứt khoát trong mọi trạng thái chỉ định.

2.2.1.2. Cách thức vận hành các cơ cấu điều khiển, nếu được trang bị trên máy phải phù hợp với quy định trong TCVN 9193:2012.

2.2.1.3. Các ký hiệu chỉ báo phải phù hợp với quy định trong TCVN 8411-1: 2010 và TCVN 8411-2: 2010.

2.2.1.4. Bàn đạp, tay nắm, nút bấm, tay cầm của các cơ cấu điều khiển phải nằm trong tầm với của người lái; phải nằm trong phạm vi buồng lái đối với máy có trang bị buồng lái.

- Tầm với chân của người lái được xác định bởi khối bán cầu bán kính 800 mm có tâm trên đường tâm ghế ngồi tại cạnh trước đệm ghế và hướng xuống dưới khi ghế ngồi đặt ở vị trí trung tâm (xem Hình 1).

- Tầm với tay của người lái được xác định bởi khối hình cầu bán kính 1.000 mm, có tâm trên đường tâm ghế ngồi cách 60 mm về phía trước và 580 mm về phía trên điểm chỉ báo chỗ ngồi (xem Hình 1).

## 2.2. Control structure

### 2.2.1. General requirements

2.2.1.1. Must work definitively in all specified states.

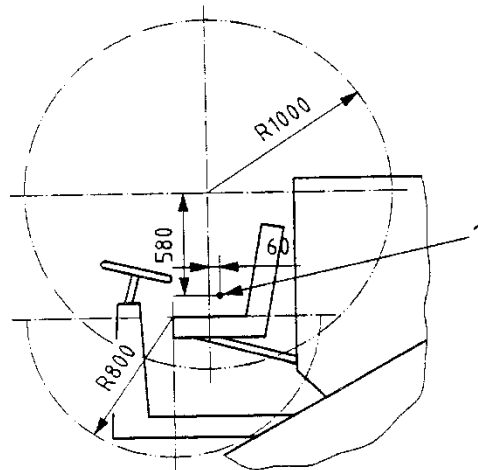
2.2.1.2. The way to operate the controls, if equipped on the machine, must comply with the provisions of TCVN 9193:2012.

2.2.1.3. Indicator symbols must conform to the provisions of TCVN 8411-1: 2010 and TCVN 8411-2: 2010.

2.2.1.4. Pedals, handles, buttons and handles of controls must be within reach of the driver; must be within the cab for machinery equipped with a cockpit.

- The driver's leg reach is determined by a hemisphere of 800 mm radius centered on the seat centerline at the front edge of the seat cushion and pointing downwards when the seat is in the center position (see Figure 1).

- Reach of the driver's hand is determined by a sphere of radius 1,000 mm, centered on the seat centerline 60 mm forward and 580 mm above the seat indicator point (see Figure 1).

**CHÚ DẪN: NOTES:**

1 Điểm chỉ báo chỗ ngồi; R800 Tầm với chân; R1000 Tầm với tay.

1 Seat indicator point; R800 Foot reach; R1000 Hand reach.

**Hình 1 - Tầm với của người lái Figure 1 - Arm and foot reach**

2.2.1.5. Các cơ cấu điều khiển có màu khác nhau để nhận biết phải phù hợp với quy định trong Phụ lục A của TCVN 6818-7:2011 (ISO 4254-7:2008) Máy nông nghiệp - An toàn - Phần 7: Máy liên hợp thu hoạch, máy thu hoạch cây làm thức ăn cho gia súc và máy thu hoạch bông.

2.2.1.6. Các cần điều khiển, trừ cơ cấu điều khiển hiện diện người lái, nếu được trang bị, phải được bố trí sao cho ở bất cứ vị trí nào của chúng cũng không làm cản trở lối vào vị trí làm việc của người lái, và không thể sử dụng như tay vịn khi vào hoặc ra khỏi máy, trừ vô lăng lái.

**2.2.2. Cơ cấu khởi động và dừng động cơ**

2.2.2.1. Phải đảm bảo không thể khởi động động cơ khi đã gài hệ thống truyền động công suất động cơ.

2.2.2.2. Phải có biện pháp ngăn ngừa khả năng để xảy ra khởi động động cơ không chủ định và/hoặc không được phép.

**2.2.3. Bàn đạp**

2.2.3.1. Các bàn đạp ly hợp, bàn đạp phanh và chân ga phải có bề mặt chống trượt và dễ làm sạch.

2.2.3.2. Các bàn đạp ly hợp và bàn đạp phanh phải được sắp đặt như sau:

- Bàn đạp ly hợp được bố trí để người lái dễ tiếp cận, điều khiển bằng chân trái;
- Bàn đạp phanh, ga được bố trí để người lái dễ tiếp cận, điều khiển bằng chân phải.

2.2.1.5. Controls of different colors for identification shall comply with the provisions of Annex A of ISO 4254-7:2008 Agricultural machinery - Safety - Part 7: Combination machines harvesters, forage harvesters and cotton harvesters.

2.2.1.6. The joysticks, other than the driver presence controls, if fitted, shall be so arranged that in any way they do not obstruct access to the driver's working position, and cannot be used as a handrail when entering or exiting the machine, except for the steering wheel.

**2.2.2. Engine starting and stopping mechanism**

2.2.2.1. Make sure that the engine cannot be started with the engine power transmission engaged.

2.2.2.2. Measures shall be taken to prevent the possibility of unintentional and/or unauthorized starting of the engine.

### 2.2.3. Pedal

2.2.3.1. Clutch, brake and accelerator pedals must have a non-slip and easy-to-clean surface.

2.2.3.2. The clutch and brake pedals shall be arranged as follows:

- The clutch pedal is arranged for easy access by the driver, controlled by the left foot;
- The brake and gas pedals are arranged so that the driver can easily access and control with the right foot.

### 2.3. Sàn máy và bậc lên xuống

2.3.1. Sàn máy và bậc lên xuống phải có bề mặt chống trượt và không được đọng nước.

2.3.2. Sàn đứng phải đáp ứng được một trong hai điều kiện dưới đây:

- Có chận chân, lan can và tay vịn trung gian quanh rìa sàn, hoặc
- Có các bộ phận máy cố định có khả năng bảo vệ tương đương như tấm che chắn, lan can.

2.3.3. Nếu chiều cao của sàn chỗ làm việc so với mặt đất vượt quá 550 mm, thì phải có bậc/thang lên xuống. Chiều cao này được xác định từ mặt đất khi máy lắp bánh xe có đường kính tối đa, được bơm tới áp suất quy định, hoặc nhánh xích trên của máy được điều chỉnh cao nhất.

2.3.4. Bề rộng tối thiểu lối vào ghế ngồi người lái là 300 mm. Các thiết bị, kể cả các bộ phận điều khiển phải được sắp xếp để chúng cũng không gây cản trở lối vào của người lái, trừ trường hợp bộ phận đó có chủ ý để hạn chế người lái gặp nguy hiểm trong vận hành.

2.3.5. Phải có che chắn ở phía sau của các bậc lên xuống khi chân hoặc tay thò ra có thể tiếp xúc với phần nguy hiểm của máy.

2.3.6. Ở những máy bánh xích mà những guốc xích và bề mặt miếng đệm guốc xích có thể được dùng làm bậc bước kế tiếp thì phải có giá ba tiếp điểm để bảo đảm an toàn cho người lái.

2.3.7. Phải có lan can hay tay vịn ở cả hai bên bậc lên xuống và phải thiết kế sao cho người lái có thể luôn luôn duy trì được sự tiếp xúc ba điểm. Bề rộng mặt cắt ngang của lan can hay tay vịn phải nằm trong khoảng từ 25 mm đến 38 mm. Phần cuối thấp nhất của lan can/tay vịn phải bố trí không cao hơn 1 600 mm so với mặt đất. Phải có khe hở cho bàn tay tối thiểu là 50 mm giữa lan can /tay vịn và các phần cận kề.

### 2.3. Machine floor and steps

2.3.1. The machine floor and steps must have a non-slip surface and must not collect water.

2.3.2. Standing floors must meet one of the following two conditions:

- With intermediate footrests, balustrades and handrails around the floor edge, or
- There are fixed machine parts with equivalent protection such as shields, balustrades.

2.3.3. If the height of the workplace floor above the ground exceeds 550 mm, steps/ladders must be provided. This height is determined from the ground when the machine is fitted with wheels of maximum diameter, pumped to the specified pressure, or the upper chain arm of the machine is adjusted to the highest.

2.3.4. The minimum width of the entrance to the driver's seat is 300 mm. Equipment, including controls, shall be so arranged that they do not obstruct the driver's entrance, unless such a device is intended to prevent the driver from operating danger.

2.3.5. Shields shall be provided at the back of the steps when a protruding foot or hand may come into contact with a hazardous part of the machine.

2.3.6. In crawler machines where the treads and tread pad surfaces can be used as the next step, a three-contact rack shall be provided for the safety of the driver.

2.3.7. Railings or handrails shall be provided on both sides of the ramp and shall be designed so that three-point contact can be maintained by the rider at all times. The cross-sectional width of the balustrade or handrail shall be between 25 mm and 38 mm. The lowest end of the balustrade/handrail shall be located not more than 1 600 mm above the ground. There shall be a minimum hand clearance of 50 mm between the handrail/handrail and adjacent sections.

## 2.4. Bộ phận che chắn

2.4.1. Phải có thanh/tấm chắn sử dụng để chống nguy cơ bị ngã đối với người thao tác đóng bao và phải chịu được tải trọng ngang 1 000 N.

2.4.2. Bộ phận che chắn có chiều cao nhỏ hơn hoặc bằng 550 mm tính từ mặt đất mà không thể ngăn chặn sử dụng chúng làm bậc bước trong vận hành, thì phải thiết kế sao cho chúng có thể chịu được tải trọng thẳng đứng là 1 200 N.

2.4.3. Phải có che chắn đối với tất cả các bộ phận truyền động ở 2 bên của máy.

### 2.4. Shielding Parts

2.4.1. Bars/guards shall be used to protect against the risk of falls for the bagger and shall be capable of withstanding a horizontal load of 1,000 N.

2.4.2. Guards whose height is less than or equal to 550 mm from the ground, which cannot prevent their use as steps in service, shall be so designed that they can withstand a vertical load of 1 200 N.

2.4.3. Shielding must be provided for all transmission parts on both sides of the machine.

## 2.5. Tầm nhìn

2.5.1. Chỗ làm việc của người lái phải có tầm nhìn thích đáng để lái máy và nhìn thấy được vùng làm việc của máy. Máy phải được trang bị ít nhất hai gương chiếu hậu, mỗi gương ở một bên sườn máy.

2.5.2. Phải có cần gạt nước cho kính chắn gió khi có trang bị buồng lái.

2.5.3. Phải trang bị còi cảnh báo tự động phát ra tiếng kêu khi máy lùi.

### 2.5. Vision

2.5.1. The operator's workplace must have adequate visibility to drive the machine and see the working area of the machine. The machine must be equipped with at least two rearview mirrors, one on each side of the machine.

2.5.2. Windshield wipers are required when a cockpit is fitted.

2.5.3. Must be equipped with an automatic warning buzzer that sounds when the machine is in reverse.

## 2.6. Đầu gạt

2.6.1. Tất cả các truyền động liên kết với truyền động chính của đầu gạt phải được tách bởi cùng một điều khiển và cùng một lúc với truyền động chính của đầu gạt.

2.6.2. Cơ cấu điều khiển truyền động cho đầu gạt phải được bố trí hoặc che chắn để tránh nguy cơ vô tình kích hoạt. Những cơ cấu điều khiển nâng hạ bằng một tay, bắt buộc phải có hai tác động riêng biệt.



2.6.3. Phải có cơ cấu khóa/hãm đầu gạt để không thể tự hạ xuống khi máy đang di chuyển hoặc đang sửa chữa, bảo dưỡng đầu gạt.

## 2.6. Harvest head

2.6.1. All drives linked to the main drive of the reaper must be separated by the same control and at the same time as the main drive of the head.

2.6.2. The drive control for the reaper head must be located or shielded to avoid the risk of accidental activation. One-handed lifting controls are required to have two separate actions.

2.6.3. There must be a locking / braking mechanism for the harvester head so that it cannot lower itself when the machine is moving or is repairing and maintaining the harvester.

## 2.7. Hệ thống thủy lực

Các ống và thành phần có áp suất phải bố trí hoặc che chắn sao cho khi bị đứt vỡ không thể phun thẳng vào người lái đang ở vị trí vận hành.

### 2.7. Hydraulic system

Pressurized pipes and components shall be arranged or shielded so that, when broken, they cannot be sprayed directly at the operator in the operating position.

## 2.8. Hệ thống điện

2.8.1. Cáp điện phải được bảo vệ nếu có khả năng cọ xát với các bề mặt và phải có khả năng chống được hoặc được bảo vệ không tiếp xúc với chất bôi trơn hay nhiên liệu. Cáp điện phải được bố trí sao cho không có phần nào tiếp xúc với hệ thống xả, các bộ phận di động hoặc các cạnh sắc.

2.8.2. Ấc quy phải bố trí sao cho có thể giữ vững và thay thế được. Các đầu dây điện không nối đất của ắc quy phải được bảo vệ để ngăn ngừa tiếp xúc và đoản mạch với đất ngoài ý muốn.

2.8.3. Phải bảo đảm có khả năng ngắt mạch điện của ắc quy một cách dễ dàng,

### 2.8. Power system

2.8.1. Cables shall be protected if there is a possibility of rubbing against surfaces and shall be resistant to or protected from contact with lubricants or fuels. Electrical cables shall be arranged so that no part comes into contact with the discharge system, moving parts or sharp edges.

2.8.2. Batteries must be arranged so that they can be maintained and replaced. Ungrounded battery terminals must be protected to prevent accidental contact and short-circuit to earth.

2.8.3. Must be able to easily disconnect the battery circuit,

## 2.9. Hệ thống nhiên liệu

2.9.1. Miệng thùng nhiên liệu phải bố trí bên ngoài buồng lái và cách mặt đất hoặc sàn đứng không quá 1 500 mm và phải được bố trí để nhiên liệu tràn không tiếp xúc với bề mặt nóng.

2.9.2. Kết cấu của nắp thùng nhiên liệu phải bảo đảm nhiên liệu không được rò rỉ, không chảy nhỏ giọt qua nắp thùng trong mọi tư thế làm việc của máy.

### 2.9. Fuel system

2.9.1. The opening of the fuel tank shall be located outside the wheelhouse and not more than 1 500 mm above the ground or vertical floor and shall be located so that spilled fuel does not come into contact with hot surfaces.

2.9.2. The structure of the fuel tank cap must ensure that the fuel does not leak, does not drip through the tank cap in all working positions of the machine.

## 2.10. Tiếng ồn

Mức ồn tối đa cho phép phải  $\leq 95$  dB (A). Nếu lớn hơn phải trang bị thiết bị bảo vệ tai người lái. .

### 2.10. Noise

The maximum permissible noise level must be  $\leq 95$  dB(A). If it is larger, it must be equipped with a driver's ear protection device.

## 2.11. Ký hiệu an toàn

2.11.1. Các ký hiệu an toàn phải phù hợp với quy định của TCVN 7020 : 2002 và phải được gắn thích hợp vào máy để cảnh báo cho người lái và những người khác về các nguy cơ gây chấn thương cơ thể trong quá trình vận hành và chăm sóc, bảo dưỡng.

2.11.2. Các ký hiệu an toàn phải được cung cấp trên máy tại các vị trí thích hợp để phòng ngừa các nguy cơ sau đây:

- Các nguy cơ tồn tại do sửa chữa và bảo dưỡng các bộ phận được nâng lên mà không cài thiết bị khóa;
- Có thể tiếp xúc với đường dây điện lưới, nhìn thấy rõ từ vị trí của người lái;
- Các nguy cơ tồn tại do cắt và kẹp của cơ cấu gom và/hoặc cắt;
- Các nguy cơ tồn tại do vận hành các bộ phận làm việc phía sau như bộ phận băm rơm, rải rơm nguyên và rải rơm đã băm;
- Các nguy cơ tồn tại do các vật văng ra từ phía sau của bộ phận băm rơm, rải rơm nguyên và rải rơm đã băm;
- Các nguy cơ tồn tại của các bộ phận chuyển động trong khi đang dỡ tải thùng chứa.

### 2.11. Safety symbol

2.11.1. Safety symbols shall conform to the provisions of TCVN 7020:2002 and shall be appropriately affixed to the machine to warn the driver and other persons of the risk of bodily injury during operation and care. care and maintenance.

2.11.2. Safety symbols shall be provided on the machine at appropriate locations to prevent the following hazards:

- hazards exist due to repair and maintenance of raised components without locking devices;
- Can be in contact with mains power lines, clearly visible from the driver's position;
- hazards exist due to clipping and clamping of the collector and/or cutting device;
- hazards exist due to the operation of rear working components such as straw choppers, straw baler and minced straw spreaders;
- hazards exist due to objects splashing from the rear of the straw chopper, spreading the raw straw and spreading the chopped straw;
- Hazards exist of moving parts while the container is unloading.

## 3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ 3. REGULATIONS ON MANAGEMENT

### 3.1. Quy định về phương thức đánh giá sự phù hợp

3.1.1. Máy gặt đập liên hợp còn mới, chưa qua sử dụng sản xuất, lắp ráp trong nước hoặc nhập khẩu phải được chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 (thử nghiệm mẫu điển hình kết hợp đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên

thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất) hoặc theo phương thức 7 (thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa) quy định tại Phụ lục 2 ban hành theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.1.2. Đối với máy gặt đập liên hợp đã qua sử dụng nhập khẩu phải được kiểm tra toàn bộ sản phẩm, hàng hóa theo phương thức 8 quy định tại Phụ lục 2 ban hành theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

### 3.1. Regulations on the method of conformity assessment

3.1.1. New and unused combine harvesters, manufactured, assembled domestically or imported, must be certified for conformity according to method 5 (typical sample testing combined with assessment of the production process; information monitoring). through testing of samples taken at the place of production or on the market in combination with assessment of the production process) or by method 7 (testing, evaluating batches of products and goods) specified in Appendix 2 issued according to regulations. Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12/12/2012 of the Minister of Science and Technology.

3.1.2. For imported used combine harvesters, all products and goods must be inspected according to method 8 specified in Appendix 2 issued under Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12/02 December 2012 of the Minister of Science and Technology.

### 3.2. Quy định về công bố hợp quy

3.2.1. Việc công bố hợp quy được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá, chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy.

3.2.2. Việc chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc tổ chức chứng nhận tại nước ngoài được thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp.

### 3.2. Regulations on regulation conformity announcement

3.2.1. The regulation conformity announcement is made on the basis of assessment and certification results of the regulation conformity certification organization.

3.2.2. The certification of conformity by a designated certification body or a certification body in a foreign country is mutually recognized for the results of conformity assessment.

### 3.3. Phương pháp thử

- Cách thức vận hành các cơ cấu điều khiển (nếu được trang bị) theo TCVN 9193:2012 Máy kéo và máy tự hành dùng trong nông nghiệp - Cơ cấu điều khiển vận hành - Lực tác động, độ dịch chuyển, vị trí và phương pháp vận hành;

- Các ký hiệu chỉ báo theo TCVN 8411-1: 2010 Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp, thiết bị làm vườn và làm cỏ có động cơ - Ký hiệu các cơ cấu điều khiển và các bộ phận chỉ báo khác - Phần 1: Ký hiệu chung và TCVN 8411-2: 2010 Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp, thiết bị làm vườn và làm cỏ có động cơ - Ký hiệu các cơ cấu điều khiển và các bộ phận chỉ báo khác - Phần 2: Ký hiệu cho máy kéo và máy nông nghiệp;

- Các ký hiệu an toàn theo TCVN 7020:2002 Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp, thiết bị làm vườn và làm cỏ có động cơ - Ký hiệu và hình vẽ mô tả nguy hiểm - Nguyên tắc chung.

- Phương pháp thử tải trọng ngang của thanh/tấm chắn theo Phụ lục C của TCVN 6818-1: 2010 Máy nông nghiệp - An toàn - Phần 1: Yêu cầu chung.

- Phương pháp thử tải trọng thẳng đứng của bộ phận che chắn theo Phụ lục C của TCVN 6818-1: 2010 Máy nông nghiệp - An toàn - Phần 1: Yêu cầu chung.

- Phương pháp thử tiếng ồn theo Phụ lục B, TCVN 6818-1: 2010 Máy nông nghiệp - An toàn - Phần 1: Yêu cầu chung và Phụ lục B của TCVN 6818-7: 2011 Máy nông nghiệp - An toàn -

Phần 7: Máy liên hợp thu hoạch, máy thu hoạch cây làm thức ăn cho gia súc và máy thu hoạch bông.

### 3.3. Test method

- How to operate the controls (if equipped) according to TCVN 9193:2012 Tractors and self-propelled machines for agriculture - Operation controls - Acting force, displacement, position and operating method;
- Indicators according to TCVN 8411-1: 2010 Tractors and machines for agriculture and forestry, powered lawn and garden equipment - Symbols of controls and other indicators - Part 1: General symbols and TCVN 8411-2:2010 Tractors and machines for agriculture and forestry, powered lawn and garden equipment - Symbols of controls and other indicators - Part 2 : Symbols for tractors and agricultural machines;
- Safety symbols according to TCVN 7020:2002 Tractors and machines for agriculture and forestry, powered lawn and garden equipment - Hazard symbols and drawings - General principles.
- Test method for horizontal load of bars/shields according to Annex C of TCVN 6818-1: 2010 Agricultural machinery - Safety - Part 1: General requirements.
- Test method for vertical load of guards according to Annex C of TCVN 6818-1: 2010 Agricultural machinery - Safety - Part 1: General requirements.
- Noise test method according to Annex B, TCVN 6818-1: 2010 Agricultural machinery - Safety - Part 1: General requirements and Annex B of TCVN 6818-7: 2011 Agricultural machinery - Safety - Part 7 : Combined harvester, forage harvester and cotton harvester.

### 3.4. Lấy mẫu

Mẫu kiểm tra được lấy ngẫu nhiên trong lô, số lượng mẫu phụ thuộc vào số lượng máy trong một lô hàng và được quy định tại Bảng 3.

#### 3.4. Sample

The test sample is taken at random from the lot, the number of samples depends on the number of machines in a lot and is specified in Table 3.

**Bảng 3 – Số lượng mẫu kiểm tra/ Table 3 – Number of test samples**

TT	Số lượng máy trong lô hàng. Number of machines in the shipment (quantity)	Số lượng mẫu kiểm tra Number of test samples (quantity)
1	1 to 100	01
2	101 to 500	02
3	above 501	03

### 3.5. Quy định về ghi nhãn

3.5.1. Máy phải ghi nhãn theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

3.5.2. Nhãn phải ghi rõ bằng tiếng Việt và phải có nhãn phụ đối với máy nhập khẩu.

### 3.5.2. Nhãn phải có thông tin tối thiểu sau đây:

- Tên và địa chỉ của nhà chế tạo hoặc nhà nhập khẩu (nếu nhập khẩu);
- Ký hiệu máy hoặc kiểu loại;
- Kích thước (D x R x C), mm;
- Khối lượng máy, kg;
- Công suất động cơ, kW (hoặc Hp);
- Số hiệu sản xuất, nếu có;
- Năm sản xuất.

## 3.5. Labeling Regulations

3.5.1. Machines must be labeled according to the provisions of Decree No. 43/2017/ND-CP dated April 14, 2017 and amended and supplemented in Decree No. 111/2021/ND-CP dated December 9, 2021 of the Government. labeling of goods.

3.5.2. Labels must be clearly written in Vietnamese and must have additional labels for imported machines.

3.5.2. The label must contain the following minimum information:

- Name and address of the manufacturer or importer (if imported);
- Machine or model designation;
- Dimensions (D x R x C), mm;
- Machine weight, kg;
- Engine power, kW (or Hp);
- Production number, if any;
- Year of manufacture.

## 4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

### 4.1. Trách nhiệm của doanh nghiệp

4.1.1. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, phân phối và kinh doanh máy gặt đập liên hợp phải bảo đảm các quy định về kỹ thuật tại mục 2, thực hiện các quy định về quản lý tại mục 3 của Quy chuẩn kỹ thuật này.

4.1.2. Trước khi đưa máy gặt đập liên hợp ra lưu thông trên thị trường, doanh nghiệp phải có trách nhiệm gắn dấu hợp quy lên máy đã được chứng nhận hợp quy theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật này.

### 4.2. Trách nhiệm của Tổ chức chứng nhận hợp quy

Tổ chức chứng nhận hợp quy phải thực hiện các trách nhiệm quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính Phủ.

## 4. RESPONSIBILITIES OF ORGANIZATIONS AND INDIVIDUALS

### 4.1. Responsibilities of businesses

4.1.1. Enterprises manufacturing, importing, distributing and trading in combine harvesters must ensure the technical regulations in Section 2 and comply with the regulations on management in Section 3 of this Technical Regulation.

4.1.2. Before putting the combine harvester into circulation on the market, the enterprise must be responsible for affixing the conformity mark on the machine which has been certified as conformity according to the provisions of this Technical Regulation.

#### 4.2. Responsibilities of the Regulation Conformity Certification Organization

Regulation conformity certification organizations must perform the responsibilities specified in Decree No. 107/2016/ND-CP dated July 1, 2016 of the Government.

### 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

5.2. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

5.3. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quy chuẩn này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung./.

#### 5. ORGANIZATION OF IMPLEMENTATION

5.1. The Department of Economic Cooperation and Rural Development is responsible for coordinating with relevant authorities to guide and inspect the implementation of this Regulation.

5.2. Based on management requirements, the Department of Economic Cooperation and Rural Development is responsible for proposing the Ministry of Agriculture and Rural Development to amend and supplement this Regulation.

5.3. In case the documents cited in this Regulation are replaced or amended or supplemented, the replacement or amended or supplemented documents shall apply.